

Số: 48 /2025/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet; việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn các quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (viết tắt là Nghị định số 147/2024/NĐ-CP) và Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet; việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" (viết tắt là Nghị định số 115/2025/NĐ-CP), bao gồm: đăng ký, phân bổ, cấp, sử dụng, hoàn trả, tạm ngừng, thu hồi, chuyển nhượng quyền sử dụng, chuyển đổi chủ thể đăng ký sử dụng, giải quyết tranh chấp đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá

nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực Internet tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tên miền là chuỗi ký tự được sử dụng để xác định địa chỉ Internet tương ứng. Tên miền gồm các dãy ký tự cách nhau bằng dấu chấm “.”. Tên miền bao gồm:

a) Tên miền dùng các kí tự dựa trên cơ sở bảng mã ASCII, sau đây gọi là tên miền mã ASCII;

b) Tên miền dùng bảng chữ cái dựa trên cơ sở ngôn ngữ truyền thống của từng quốc gia, sau đây gọi là tên miền đa ngữ (IDN).

2. Tên miền cấp cao nhất là dãy ký tự cuối cùng trong cấu trúc tên miền toàn cầu. Tên miền cấp cao nhất (TLD) bao gồm:

a) Tên miền dùng chung cấp cao nhất (gTLD) là các tên miền “.com”; “.net”; “.edu”; “.org”; “.int”; “.biz”; “.info”; “.name”; “.pro”; “.aero”; “.museum”; “.coop” và những tên miền chung cấp cao nhất khác;

b) Tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (viết tắt là New gTLD) là gTLD được Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế (ICANN) phân bổ, chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân theo Chương trình mở rộng đuôi tên miền dùng chung cấp cao nhất của ICANN (còn gọi là New gTLD program);

c) Tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD) là tên miền cấp cao nhất dành riêng cho mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ quy định theo tiêu chuẩn quốc tế về mã quốc gia (ISO-3166), trong đó tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” là tên miền quốc gia cấp cao nhất của Việt Nam.

3. Tên miền các cấp (cấp 2, cấp 3) là các dãy ký tự tạo nên tên miền theo trật tự lần lượt nằm dưới tên miền cấp cao nhất.

4. ICANN là tên viết tắt của Tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế, có thẩm quyền quản lý hệ thống tên miền cấp cao nhất toàn cầu.

5. VNNIC là tên viết tắt của Trung tâm Internet Việt Nam, đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có chức năng quản lý và thúc đẩy việc sử dụng tài nguyên Internet ở Việt Nam; thiết lập, quản lý và khai thác Hệ thống DNS quốc gia, Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX).

6. Tổ chức quản lý tên miền cấp cao nhất là tổ chức, doanh nghiệp được ICANN chuyển giao quản lý tên miền cấp cao nhất và công bố tại website của ICANN.

7. Nhà đăng ký tên miền là tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền bao gồm Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam.

8. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền xuyên biên giới là các tổ chức, doanh nghiệp tại nước ngoài cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại Việt Nam.

9. Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền (viết tắt là chủ thể) là các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân được cấp quyền sử dụng tên miền.

10. Sử dụng tên miền là việc chủ thể dùng tên miền phục vụ các hoạt động, dịch vụ trên Internet hoặc để bảo vệ thương hiệu, sản phẩm, hình ảnh hợp pháp của mình.

11. Hệ thống máy chủ tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” (viết tắt là Hệ thống DNS quốc gia) là hệ thống thông tin do VNNIC thiết lập, quản lý và vận hành để quản lý không gian tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và phục vụ việc truy vấn địa chỉ IP cho tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

12. Địa chỉ Internet (viết tắt là địa chỉ IP) là địa chỉ mạng của thiết bị, máy chủ bao gồm các thể hệ địa chỉ IPv4, IPv6 và các thể hệ địa chỉ mới tiếp theo.

13. Số hiệu mạng (viết tắt là ASN) là số được sử dụng để định danh một mạng máy tính tham gia vào hoạt động định tuyến trên Internet.

14. Thành viên địa chỉ là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ, cấp địa chỉ IP, ASN từ Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Internet Việt Nam).

15. Định tuyến là quá trình quảng bá địa chỉ IP, ASN và kết nối giữa các mạng để thiết lập đường đi trên Internet.

16. Sử dụng địa chỉ IP, ASN là việc thực hiện khai báo các bản ghi định tuyến, thực hiện định tuyến IP, ASN trên Internet, khai thác sử dụng IP cho kết nối mạng, dịch vụ.

17. Lạm dụng tên miền, địa chỉ IP, ASN là việc sử dụng tên miền, địa chỉ IP, ASN như một phương tiện để vi phạm pháp luật trên Internet.

18. IPv6 only là việc chỉ sử dụng địa chỉ Internet thể hệ mới IPv6, không sử dụng địa chỉ IPv4.

19. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” (viết tắt là Whois tên miền “.vn”), Hệ thống tra cứu thông tin IP, ASN Việt Nam (viết tắt là Whois IP/ASN) là các hệ thống do VNNIC xây dựng và quản lý, cung cấp công

khai, trực tuyến các thông tin về tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và thông tin về IP, ASN Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet

1. Các hoạt động quản lý và sử dụng tài nguyên Internet phải tuân thủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và Nghị định số 115/2025/NĐ-CP.
2. Tài nguyên Internet Việt Nam được quy hoạch thống nhất theo quy định tại Điều 49 Luật Viễn thông, phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông để bảo đảm cho hoạt động Internet của Việt Nam an toàn, tin cậy và hiệu quả.
3. Tài nguyên Internet liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia; liên quan tới các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội được bảo vệ và không được xâm phạm.
4. Việc đăng ký, quản lý, sử dụng tài nguyên Internet phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng quy định và không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác.
5. Tăng cường hợp tác quốc tế, thực hiện và tôn trọng điều ước, thông lệ quốc tế trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài nguyên Internet.
6. Tài nguyên Internet chỉ được phân bổ, cấp hoặc được tiếp tục duy trì sử dụng sau khi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký, sử dụng tài nguyên Internet đã hoàn tất việc nộp phí duy trì sử dụng tài nguyên Internet, lệ phí phân bổ, cấp tài nguyên Internet theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của VNNIC trong quản lý, thúc đẩy tài nguyên Internet

1. Quản lý thống nhất, tập trung, bảo đảm an toàn tài nguyên Internet Việt Nam.
2. Thực hiện các nội dung quản lý tài nguyên Internet thuộc quyền quản lý của Việt Nam quy định tại Luật Viễn thông, Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, Nghị định số 115/2025/NĐ-CP; tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc đăng ký, quản lý, sử dụng tài nguyên Internet hiệu quả, đúng quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet; giám sát, báo cáo tình hình và thống kê số liệu liên quan đến việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.
3. Thiết lập, quản lý, vận hành, khai thác Hệ thống DNS quốc gia, Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX) và các hệ thống kỹ thuật phục vụ việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet hiệu quả, an toàn, đúng quy định.
4. Tiếp nhận thông tin, dữ liệu báo cáo từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân theo quy định pháp luật về đăng ký, quản lý, sử dụng tài nguyên Internet;

quản lý tập trung, thống nhất thông tin, dữ liệu báo cáo nhận được từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

5. Tổ chức thỏa thuận, ký kết và thực hiện hợp đồng với Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phù hợp với quy hoạch và quy định quản lý, sử dụng tài nguyên Internet.

6. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động của các Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam, các Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) tại Việt Nam bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện bảo vệ các tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” theo danh mục Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và công bố công khai danh sách tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được bảo vệ trên trang thông tin điện tử của mình.

8. Thực hiện nhiệm vụ của Tổ chức quản lý tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” (“.vn” Registry) trong cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

9. Thực hiện cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong các trường hợp không có sự tham gia của tổ chức, doanh nghiệp làm Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” để đảm bảo quyền lợi của chủ thể và yêu cầu của công tác quản lý, phát triển tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”; cung cấp các dịch vụ liên quan đến tài nguyên Internet.

10. Thực hiện cung cấp, công bố thông tin công khai, hướng dẫn chủ thể về các dịch vụ hỗ trợ bảo vệ thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và các dịch vụ khác để hỗ trợ quyền lợi chính đáng của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan đến đăng ký sử dụng tên miền.

11. Tổ chức thực hiện việc đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

Chương II

QUẢN LÝ, ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN MIỀN THUỘC QUYỀN QUẢN LÝ CỦA VIỆT NAM

Mục 1

QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN MIỀN

Điều 5. Cấu trúc tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

1. Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” bao gồm tên miền không dấu và tên miền tiếng Việt:

a) Tên miền không dấu là tên miền mã ASCII, trong đó các ký tự tạo nên tên miền là các ký tự được quy định trong bảng mã ASCII, bao gồm tên miền không dấu các cấp dưới tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;

b) Tên miền tiếng Việt là tên miền da ngữ, trong đó các ký tự tạo nên tên miền là các ký tự được quy định trong bảng mã tiếng Việt, bảng mã tiếng Việt mở rộng theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 và dấu “-”, bao gồm tên miền tiếng Việt các cấp dưới tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

2. Cấu trúc tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” bao gồm:

a) Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực;

b) Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng chung phân theo địa giới đơn vị hành chính;

c) Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng riêng;

d) Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 3 là tên miền dưới tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực và tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng chung phân theo địa giới đơn vị hành chính.

3. Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực là tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được đặt tên theo các lĩnh vực hoạt động trong đời sống kinh tế, xã hội và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nào, bao gồm:

a) COM.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp cho hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ;

b) BIZ.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp cho hoạt động kinh doanh, sản xuất, khởi nghiệp;

c) EDU.VN: chỉ dành cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

d) GOV.VN: chỉ dành cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập ở trung ương và địa phương để phục vụ quản lý nhà nước;

đ) NET.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp cho các hoạt động trong lĩnh vực thiết lập và cung cấp các dịch vụ trên mạng;

e) ORG.VN: chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể đăng ký, phù hợp cho các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội;

g) INT.VN: chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể đăng ký, phù hợp cho các hoạt động quốc tế;

h) AC.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp cho các hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển tri thức;

i) PRO.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp cho các hoạt động trong lĩnh vực có tính chuyên ngành cao;

k) INFO.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp cho các hoạt động trong lĩnh vực cung cấp thông tin trên mạng;

l) HEALTH.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp cho các hoạt động trong lĩnh vực dược, y tế, chăm sóc sức khỏe;

m) NAME.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký theo tên gọi như tên đầy đủ, tên viết tắt, tên thương mại, tên bí danh... của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân;

n) ID.VN: chỉ dành cho cá nhân là công dân Việt Nam đăng ký, phù hợp sử dụng cho các hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu cá nhân trên môi trường mạng;

o) IO.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp cho các ứng dụng công nghệ, nền tảng, dịch vụ trên môi trường mạng;

p) AI.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp sử dụng cho các hoạt động, dịch vụ liên quan đến lĩnh vực trí tuệ nhân tạo;

q) AP.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp sử dụng cho các hoạt động phát triển phần mềm, ứng dụng di động, nền tảng số;

r) AD.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp sử dụng cho các hoạt động quảng bá, tiếp thị, thiết kế, sáng tạo nội dung và phát triển thương hiệu số;

s) ON.VN: cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có thể đăng ký, phù hợp sử dụng cho các hoạt động trực tuyến, thương mại điện tử, học tập số và phát triển dịch vụ trên nền tảng công nghệ;

t) Những tên miền khác được Bộ Khoa học và Công nghệ quy hoạch sử dụng chung hoặc được bảo vệ để đảm bảo yêu cầu quản lý, phát triển tài nguyên Internet tại Việt Nam.

4. Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng chung phân theo địa giới

đơn vị hành chính là tên miền được đặt theo tên đơn vị hành chính cấp tỉnh và được sử dụng chung theo quy hoạch tài nguyên Internet mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nào.

Danh mục tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng chung phân theo địa giới đơn vị hành chính được ban hành tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

5. Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng riêng là tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” dành cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

6. Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 3 là tên miền cấp dưới tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực, tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” cấp 2 dùng chung phân theo địa giới đơn vị hành chính, dành cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

Điều 6. Đăng ký tên miền

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký tên miền tuân thủ các quy định tại Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

2. Tên miền do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tự chọn để đăng ký, nhưng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” đăng ký sử dụng theo cấu trúc quy định tại Điều 5 Thông tư này. Tên miền quốc tế đăng ký sử dụng theo cấu trúc quy định bởi các tổ chức quản lý tên miền quốc tế;

b) Tên miền không có các cụm từ xâm phạm đến chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; không có các cụm từ vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục của dân tộc;

c) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền phải đúng đối tượng theo hướng dẫn tại Thông tư này;

d) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không liên quan hoặc không thuộc đối tượng đăng ký sử dụng tên miền được bảo vệ thì không được đăng ký sử dụng tên miền quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

đ) Đối với tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” đăng ký: có ít nhất một hoặc một dãy ký tự dưới tên miền cấp cao “.vn”. Được chứa các ký tự từ a đến z; 0 đến 9; các ký tự tiếng Việt và các ký tự được hệ thống máy chủ tên miền chấp nhận không phân biệt viết hoa hay viết thường. Được chứa dấu gạch nối “-” nhưng không được bắt đầu hoặc kết thúc với ký tự này và không được có hai dấu gạch nối “-” đi liền nhau trong tên miền. Ở mỗi cấp không được nhiều hơn 63 ký tự

(đối với tên miền tiếng Việt, số lượng ký tự được tính theo chiều dài sau chuyển đổi thành chuỗi không dấu ASCII).

3. Nguyên tắc “đăng ký trước được xét cấp trước” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP thực hiện như sau:

a) Tên miền đã được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoàn thành trước thủ tục đăng ký sử dụng và nộp đủ phí duy trì sử dụng tài nguyên Internet, lệ phí cấp tài nguyên Internet theo quy định;

b) Tên miền được xác lập quyền đăng ký sử dụng trước nếu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sử dụng chức năng hỗ trợ bảo vệ thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và các chức năng hỗ trợ khác trong dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền;

c) Cơ quan, tổ chức là đối tượng quy định đã đăng ký bảo vệ có tên miền thuộc danh sách tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được bảo vệ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

4. Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được cấp thông qua phương thức đấu giá được thực hiện theo quy định tại Điều 40, Điều 42, Điều 43, Điều 44, Điều 46 Nghị định số 115/2025/NĐ-CP và quy định pháp luật về đấu giá. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trúng đấu giá thực hiện đăng ký sử dụng tên miền trúng đấu giá theo trình tự quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Điều 7. Quy định về danh mục và việc thực hiện bảo vệ tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

1. Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia được bảo vệ bao gồm:

a) Tên miền là tên quốc gia, mã quốc gia Việt Nam;

b) Tên miền có các cụm từ là tên gọi, tên viết tắt của Việt Nam qua các thời kỳ, thể hiện hình ảnh quốc gia của Việt Nam;

c) Tên miền là tên địa danh, tên các địa bàn thuộc khu vực biên giới biển, khu vực biên giới đất liền, khu vực biên giới trên không của Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Tên miền là tên các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

đ) Tên miền là tên các địa danh của Việt Nam đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới;

e) Tên miền là tên di tích quốc gia và tên di tích quốc gia đặc biệt, tên bảo

vật quốc gia, tên di sản văn hóa vật thể và di sản thuộc Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể theo quy định của Luật Di sản văn hóa, tên các biểu tượng văn hóa quốc gia, tên khu du lịch quốc gia Việt Nam;

g) Tên miền là tên gọi các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, bao gồm: tên miền là tên đầy đủ của cơ quan, tổ chức theo quy định tại văn bản thành lập, văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ; tên viết tắt chính thức được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hoặc được sử dụng tại văn bản hành chính thông dụng đối với cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định pháp luật (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Công đoàn Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam);

h) Tên miền có các cụm từ cần phải bảo vệ theo các quy định về an ninh quốc phòng, ngoại giao của Việt Nam;

i) Tên miền là tên các danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ của Việt Nam;

k) Các tên miền khác theo quy định của Chính phủ.

2. Các cơ quan, tổ chức quy định tại điểm g khoản 1 Điều này; các cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư này có trách nhiệm đăng ký bảo vệ các tên miền có liên quan được quy định tại khoản 1 Điều này với Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Internet Việt Nam) qua đường văn bản chính thức.

3. VNNIC công bố công khai danh sách tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được bảo vệ trên trang thông tin điện tử chính thức của mình.

4. Việc quản lý tên miền trong danh sách tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được bảo vệ được thực hiện như sau:

a) VNNIC thực hiện việc quản lý, bảo vệ, cấp các tên miền được bảo vệ (đối với các tên miền chưa cấp quyền sử dụng);

b) Nếu cùng một tên miền có nhiều cơ quan, tổ chức phù hợp đăng ký bảo vệ, việc bảo vệ tên miền được thực hiện cho các cơ quan, tổ chức đăng ký bảo vệ; trường hợp tên miền trong danh sách tên miền được bảo vệ chưa đăng ký sử dụng, chủ thể nào đăng ký sử dụng trước được xét cấp trước;

c) Trường hợp tên miền được bảo vệ chưa đăng ký sử dụng có yêu cầu đăng ký sử dụng từ cơ quan, tổ chức không thuộc danh sách tên miền được bảo vệ, phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan, tổ chức đã đăng ký bảo vệ tên miền đó.

Điều 8. Hướng dẫn trình tự đăng ký tên miền

1. Thông tin, hồ sơ đăng ký:

a) Khi thực hiện đăng ký tên miền, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân cung cấp các thông tin quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP theo Mẫu số 01a, Mẫu số 01b, Mẫu số 01c tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, được công bố tại trang thông tin điện tử, công cụ cung cấp dịch vụ trực tuyến đăng ký, duy trì tên miền của Nhà đăng ký tên miền;

b) Đối với cá nhân chưa đủ sáu tuổi, việc thực hiện đăng ký tên miền phải được xác lập, thực hiện bởi người đại diện theo pháp luật. Đối với cá nhân chưa đủ mười tám tuổi, hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền cần có văn bản xác nhận của cha, mẹ, người giám hộ về việc đăng ký, sử dụng tên miền theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tên miền trực tuyến được xác thực thông qua chữ ký số trong hồ sơ đăng ký tên miền, các giải pháp công nghệ thu thập, kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo sự đầy đủ, khớp đúng giữa thông tin nhận biết chủ thể và thông tin, dữ liệu trên hồ sơ điện tử hoặc được xác thực thông qua việc kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử;

d) Các thông tin, dữ liệu đã được xác thực của chủ thể thì sẽ được tái sử dụng để đăng ký sử dụng tên miền cho các lần tiếp theo.

2. Phương thức đăng ký:

a) Đăng ký trực tuyến thông qua hệ thống cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền trực tuyến của các Nhà đăng ký tên miền được VNNIC công bố tại khoản 3 Điều này. Hồ sơ nộp trực tuyến phải có chữ ký số của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền;

b) Đăng ký trực tiếp tại các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền hoặc gửi thông tin, hồ sơ đăng ký tên miền qua đường bưu chính tới các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền trong trường hợp không có khả năng sử dụng phương thức đăng ký trực tuyến.

3. Địa chỉ nộp hồ sơ:

a) Hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” nộp tại các Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” có tên trong danh sách được công bố tại địa chỉ: nhadangky.vn;

b) Hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền quốc tế nộp tại các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam công bố tại địa chỉ: thongbaotenmien.vn;

c) VNNIC công bố danh sách và địa chỉ liên hệ của các Nhà đăng ký tên miền tại các địa chỉ nêu trên.

4. Nhà đăng ký tên miền có trách nhiệm xác thực thông tin chủ thể và đảm bảo sự đầy đủ, tính chính xác của thông tin, hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền. Việc xác thực thông tin chủ thể được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

5. Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ, Nhà đăng ký tên miền thông báo tới cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân kết quả xử lý yêu cầu đăng ký sử dụng tên miền. Trường hợp từ chối, thông báo cần nêu rõ lý do.

Điều 9. Quản lý, xác thực thông tin, hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền

1. Việc xác thực thông tin, hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền được thực hiện qua một trong các phương thức như sau:

a) Thông qua chữ ký số trong hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền:

Nhà đăng ký tên miền kiểm tra tính hợp lệ của chứng thư chữ ký số, kiểm tra thông tin được ghi nhận trong chữ ký số với thông tin của chủ thể tại hồ sơ đăng ký tên miền.

Trường hợp các thông tin không trùng khớp, Nhà đăng ký tên miền có trách nhiệm yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân kiểm tra, hoàn thiện lại hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền để đảm bảo các thông tin trên là trùng khớp, hợp lệ;

b) Thông qua hệ thống định danh và xác thực điện tử:

Nhà đăng ký tên miền phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử để thực hiện kết nối với hệ thống định danh và xác thực điện tử theo quy định pháp luật về định danh và xác thực điện tử;

Nhà đăng ký tên miền kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu của chủ thể được ghi nhận trên hệ thống định danh và xác thực điện tử và thông tin tại hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền;

Trường hợp các thông tin không trùng khớp, Nhà đăng ký tên miền có trách nhiệm yêu cầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân kiểm tra, hoàn thiện lại hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền để đảm bảo các thông tin trên là trùng khớp, hợp lệ;

c) Thông qua các tài liệu có giá trị pháp lý được cung cấp trong hồ sơ nộp trực tiếp, gửi qua đường bưu chính.

2. Các Nhà đăng ký tên miền thực hiện xác thực thông tin, hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền theo quy định tại khoản 8 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP

và Điều này. Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” sao lưu, chuyển hồ sơ điện tử về VNNIC và triển khai các biện pháp bảo vệ, dự phòng dữ liệu, hồ sơ phục vụ quản lý tập trung và đảm bảo hồ sơ, dữ liệu tên miền.

Thời hạn lưu trữ hồ sơ, dữ liệu tên miền được thực hiện theo quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Khoa học và Công nghệ và các quy định pháp luật khác về lưu trữ.

3. Trường hợp có sự chưa đồng bộ, chính xác về thông tin chủ thể trong quá trình đăng ký, sử dụng tên miền, Nhà đăng ký tên miền có trách nhiệm thông tin, hướng dẫn chủ thể cập nhật, điều chỉnh thông tin chính xác.

Điều 10. Chuyển đổi chủ thể đăng ký sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

1. Việc chuyển đổi chủ thể đăng ký sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phải thực hiện theo các trường hợp, hồ sơ, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 55 Nghị định số 115/2025/NĐ-CP, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về quyền tài sản và pháp luật có liên quan.

2. Việc tặng, cho, góp vốn quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phải được xác lập bằng văn bản, có xác nhận của bên tặng, cho, góp vốn và bên nhận tặng, cho, góp vốn, trong đó nêu rõ tài sản được tặng, cho, góp vốn là quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” và giá trị quyền sử dụng tên miền.

3. Việc thừa kế quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” phải được xác định trên cơ sở các hồ sơ, tài liệu chứng minh theo quy định pháp luật, trong đó có xác định tài sản thừa kế là quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

4. Các trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại, chuyển đổi ngành nghề kinh doanh, chuyển đổi chức năng, nhiệm vụ giữa công ty mẹ và công ty con, chấm dứt hoạt động, thay đổi chức năng nhiệm vụ của chi nhánh, văn phòng đại diện dẫn đến thay đổi về chủ thể sử dụng tên miền được căn cứ các tài liệu, hồ sơ, thông tin, dữ liệu theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.

5. Các trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, tổ chức lại, thay đổi chức năng, nhiệm vụ cơ quan, tổ chức được căn cứ các tài liệu, hồ sơ, thông tin, dữ liệu theo các quy định pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước và pháp luật có liên quan.

6. Chủ thể tiếp nhận quyền sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được kế thừa phí duy trì sử dụng tên miền và thực hiện trách nhiệm của chủ thể đăng ký sử dụng tên miền.

Điều 11. Hoàn trả tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

1. Các trường hợp hoàn trả tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”:

- a) Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền không còn nhu cầu sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” mà mình đã đăng ký;
- b) Thực hiện các quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định thi hành án có nội dung yêu cầu chủ thể đăng ký sử dụng tên miền buộc hoàn trả tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” mà mình đã đăng ký;
- c) Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền không còn là đối tượng phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư này.

2. Việc thực hiện hoàn trả tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được thực hiện như sau:

- a) Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền gửi đề nghị hoàn trả tên miền (theo Mẫu số 03a, Mẫu số 03b, Mẫu số 03c tại Phụ lục 11 ban hành kèm theo Thông tư này) trực tuyến thông qua hệ thống cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền của Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”; hoặc nộp trực tiếp, thông qua đường bưu chính tới các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trong trường hợp không có khả năng sử dụng phương thức trực tuyến;
- b) Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” tiếp nhận đề nghị hoàn trả tên miền, kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của thông tin yêu cầu hoàn trả tên miền; xác thực thông tin chủ thể đề nghị hoàn trả tên miền thông qua các phương thức quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này;
- c) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị hoàn trả tên miền hợp lệ, Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” thông báo tới chủ thể về kết quả xử lý. Trường hợp từ chối, thông báo cần nêu rõ lý do;
- d) VNNIC thu hồi tên miền được hoàn trả và xem xét đưa tên miền sau khi thu hồi về trạng thái đăng ký tự do khi đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 13, khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

3. Chủ thể không thực hiện việc hoàn trả khi tên miền đang ở trạng thái giữ nguyên hiện trạng, tạm ngừng hoạt động, đang trong quá trình giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm mà chưa có kết quả xử lý của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Điều 12. Tạm ngừng hoạt động tên miền

1. Căn cứ tạm ngừng hoạt động tên miền theo quy định tại khoản 13 Điều 9

Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

2. Trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 13 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP:

a) Khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính đối với tên miền, cơ quan có thẩm quyền gửi văn bản tới VNNIC yêu cầu tạm ngừng hoạt động tên miền và nêu rõ thời hạn tạm ngừng hoạt động tên miền;

b) Đối với tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền, VNNIC thực hiện việc tạm ngừng hoạt động tên miền được yêu cầu trên Hệ thống DNS quốc gia; đồng thời yêu cầu Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” gửi văn bản thông báo về việc tạm ngừng hoạt động tên miền đến cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày VNNIC có thông báo tạm ngừng hoạt động tên miền;

c) Đối với tên miền quốc tế: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu tạm ngừng hoạt động tên miền, các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam, các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại Việt Nam phải thực hiện việc tạm ngừng hoạt động tên miền và thông báo về việc tạm ngừng hoạt động tên miền cho chủ thể đăng ký sử dụng tên miền trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, đồng thời báo cáo lại kết quả thực hiện tạm ngừng hoạt động tên miền tới cơ quan yêu cầu.

3. Trường hợp quy định tại điểm c khoản 13 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP:

a) Sau 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày các cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ, VNNIC hoặc Nhà đăng ký tên miền yêu cầu cập nhật, bổ sung thông tin, hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền mà chủ thể không thực hiện, tên miền bị tạm ngừng hoạt động trong thời gian 30 (ba mươi) ngày. Nhà đăng ký gửi thông báo về việc tạm ngừng hoạt động tên miền đến chủ thể trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi tên miền tạm ngừng hoạt động;

b) Trong thời gian 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tạm ngừng hoạt động tên miền, nếu chủ thể cập nhật, bổ sung hoặc hoàn thiện thông tin, hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền, tên miền được gỡ bỏ trạng thái tạm ngừng hoạt động.

4. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 13 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP:

Kể từ ngày hết hạn sử dụng, tên miền bị tạm ngừng hoạt động. VNNIC thực hiện tạm ngừng hoạt động tên miền trên Hệ thống DNS quốc gia.

5. Việc gỡ bỏ trạng thái tạm ngừng hoạt động tên miền theo quy định tại khoản 15 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Điều 13. Thu hồi tên miền

1. Căn cứ thu hồi tên miền theo quy định tại khoản 16 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

2. Trường hợp nhận được văn bản yêu cầu thu hồi tên miền của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 16 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và trường hợp thu hồi tên miền như quy định tại điểm e khoản 16 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP:

a) Đối với tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thu hồi tên miền hoặc tên miền không cập nhật thông tin trong thời hạn tạm ngừng, VNNIC thực hiện việc thu hồi tên miền. Nhà đăng ký tên miền gửi văn bản thông báo về việc thu hồi tên miền cho chủ thể đăng ký sử dụng tên miền trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày VNNIC có thông báo thu hồi tên miền;

b) Đối với tên miền quốc tế: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu thu hồi tên miền hoặc tên miền không cập nhật thông tin trong thời hạn tạm ngừng, các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam, các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại Việt Nam phải thực hiện việc thu hồi tên miền và thông báo về việc thu hồi tên miền cho chủ thể đăng ký sử dụng tên miền trong vòng 03 (ba) ngày làm việc đồng thời báo cáo lại kết quả thực hiện thu hồi tên miền tới cơ quan yêu cầu thu hồi tên miền.

3. Đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 16 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cơ quan, tổ chức đề nghị phải gửi kèm theo quyết định, bản án, phán quyết giải quyết tranh chấp, văn bản hòa giải thành có hiệu lực pháp luật, trong đó nêu rõ tên miền bị thu hồi và thông tin chủ thể đăng ký, sử dụng tên miền đó.

4. Trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày thu hồi tên miền, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có tên miền bị thu hồi theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 16 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP không được đăng ký sử dụng tên miền đã bị thu hồi đó.

5. Trong trường hợp quy định tại điểm đ khoản 16 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP:

VNNIC thực hiện xử lý thu hồi tên miền trên Hệ thống DNS quốc gia, Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” thông báo việc thu hồi tên miền cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thu hồi tên miền.

6. Sau khi thu hồi tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” quy định tại khoản 2 Điều này, nếu các tên miền thu hồi không thuộc các trường hợp vi phạm quy định đăng ký tên miền tại Điều 6 Thông tư này, VNNIC xem xét đưa các tên miền bị thu hồi về trạng thái cho đăng ký tự do.

Điều 14. Đăng ký, sử dụng tên miền “.gov.vn” và tên miền thuộc danh sách tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được bảo vệ

1. Đối tượng được đăng ký tên miền dưới “.gov.vn” và tên miền thuộc danh sách tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được bảo vệ bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương được quy định tại các Luật: Tổ chức Quốc hội; Tổ chức Chính phủ; Tổ chức chính quyền địa phương; Tổ chức Tòa án nhân dân; Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân và Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Các đơn vị thực hiện chức năng quản lý nhà nước nằm trong cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ chức năng quản lý nhà nước.

2. Tên miền dưới “.gov.vn” phải đặt theo tên đầy đủ hoặc tên viết tắt của cơ quan, đơn vị một cách cụ thể, rõ ràng, dễ phân biệt với tên của các cơ quan, đơn vị khác và phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản ban hành bởi cơ quan có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị đăng ký sử dụng tên miền dưới “.gov.vn”.

3. Người chịu trách nhiệm quản lý tên miền dưới “.gov.vn” phải là người có thẩm quyền hoặc người được ủy quyền thuộc cơ quan, đơn vị đăng ký tên miền theo quy định của pháp luật.

4. Đối với các tên miền được bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này và các tên miền dưới “.gov.vn”, việc đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền tuân thủ các quy định sau:

a) Thực hiện thông qua các Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

trong nước;

b) Nhà đăng ký tên miền tiếp nhận yêu cầu, hồ sơ đăng ký sử dụng và giải quyết yêu cầu theo quy định tại Thông tư này, quy trình nghiệp vụ quản lý tên miền dưới “.gov.vn” và tên miền thuộc danh sách tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được bảo vệ.

5. Việc tạm ngừng, thu hồi các tên miền dưới “.gov.vn”, các tên miền được bảo vệ quy định tại Thông tư này do VNNIC trực tiếp xem xét giải quyết.

Điều 15. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

1. Thông tin về tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” trên Hệ thống tra cứu thông tin tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” (Whois tên miền “.vn”) bao gồm:

- a) Tên miền;
- b) Ngày đăng ký, ngày hết hạn;
- c) Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc họ và tên của cá nhân;
- d) Nhà đăng ký quản lý tên miền;
- đ) Thông tin về máy chủ tên miền chuyển giao;
- e) Trạng thái tên miền;
- g) Thông tin khác phục vụ cho công tác quản lý tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này được cung cấp công khai trên mạng Internet.

3. VNNIC quản lý, vận hành, cập nhật Hệ thống Whois tên miền “.vn” đảm bảo các quy định pháp luật về bảo mật, an toàn thông tin.

Điều 16. Chuyển đổi Nhà đăng ký tên miền

1. Việc chuyển đổi Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được thực hiện theo yêu cầu của chủ thể, có sự đồng ý của Nhà đăng ký đang quản lý tên miền và Nhà đăng ký mà chủ thể có nhu cầu chuyển tên miền đến. Khi có yêu cầu của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải thực hiện các thủ tục để chuyển đổi Nhà đăng ký và không được gây cản trở khi chủ thể đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trong thỏa thuận về đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” với Nhà đăng ký. Trường hợp từ chối thực hiện yêu cầu chuyển đổi Nhà đăng ký tên miền của chủ thể, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền phải có văn bản trả lời cho chủ thể nêu rõ lý do từ chối.

2. Tên miền không được phép chuyển đổi Nhà đăng ký tên miền trong các

trường hợp sau:

- a) Trong vòng 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày tên miền được đăng ký mới (áp dụng đối với tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”);
- b) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi tên miền hết hạn sử dụng (áp dụng đối với tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”);
- c) Tên miền đang trong quá trình xử lý vi phạm;
- d) Tên miền đang bị tạm ngừng hoạt động;
- đ) Tên miền đang có tranh chấp.

3. Trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp không tiếp tục thực hiện vai trò Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, các tên miền do Nhà đăng ký quản lý sẽ được chuyển sang quản lý tại một Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” khác trong hệ thống Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”. VNNIC hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc chuyển đổi tên miền đảm bảo quyền sử dụng tên miền hợp lệ của chủ thể và hoạt động ổn định của tên miền.

4. Trường hợp Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam có đề nghị chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc tế tại Việt Nam theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, Nhà đăng ký phải chuyển tên miền do mình quản lý sang tổ chức, doanh nghiệp khác và thông báo tới VNNIC về danh sách tên miền đã được chuyển giao và tổ chức, doanh nghiệp tiếp nhận quản lý tên miền.

Điều 17. Quản lý tên miền trong quá trình giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm

1. VNNIC hoặc Nhà đăng ký tên miền thực hiện giữ nguyên hiện trạng đăng ký, sử dụng tên miền căn cứ vào văn bản yêu cầu của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp có đề nghị bằng văn bản về việc giữ nguyên hiện trạng đăng ký, sử dụng tên miền của cả hai bên trong tranh chấp tên miền, VNNIC hoặc Nhà đăng ký tên miền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tên miền giữ nguyên hiện trạng đăng ký, sử dụng không được chuyển đổi chủ thể, không được chuyển đổi Nhà đăng ký tên miền, không được chuyển nhượng quyền sử dụng tên miền, không được hoàn trả tên miền.

4. Đối với tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, trường hợp văn bản hòa giải thành theo quy định của pháp luật về hòa giải; quyết định, phán quyết của trọng

tài theo quy định của pháp luật về trọng tài; bản án, quyết định của tòa án nêu rõ tên miền tranh chấp bị thu hồi cho phép nguyên đơn đăng ký sử dụng thì người được thi hành án (là nguyên đơn trong vụ việc giải quyết tranh chấp) được ưu tiên đăng ký trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày văn bản, quyết định, phán quyết, bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn này tên miền sẽ được cho đăng ký tự do.

Việc xử lý thi hành quyết định của tòa án, trọng tài trong giải quyết tranh chấp tên miền được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của chủ thể đăng ký sử dụng tên miền

1. Lựa chọn Nhà đăng ký trong hệ thống Nhà đăng ký tên miền để đăng ký tên miền hoặc để chuyển đổi Nhà đăng ký tên miền.

2. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện khi việc đăng ký, sử dụng tên miền của mình bị can thiệp, bị xâm phạm không đúng với quy định của pháp luật.

3. Được thực hiện các quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký, sử dụng tài nguyên Internet quy định tại điểm a, điểm b khoản 9 Điều 50 Luật Viễn thông.

4. Chủ thể có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Điều 9, Điều 19 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP và các quy định hướng dẫn tại Thông tư này; chịu trách nhiệm quản lý thông tin tên miền của mình; xác thực khi đăng ký sử dụng tên miền, thông báo, cập nhật thông tin chính xác khi có sự thay đổi và theo hướng dẫn của Nhà đăng ký quản lý tên miền; thực hiện, phối hợp theo yêu cầu của Nhà đăng ký, VNNIC và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý hành vi lạm dụng tên miền.

5. Chủ thể chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc quản lý, sử dụng tên miền theo quy định pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, bao gồm các trường hợp không trực tiếp sử dụng do các hoạt động cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết dẫn đến tên miền được trực tiếp sử dụng bởi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khác. Đối với trường hợp chủ thể đăng ký sử dụng tên miền là cá nhân chưa đủ mười tám tuổi, trách nhiệm của chủ thể và của người đại diện theo pháp luật của chủ thể được xem xét áp dụng theo quy định pháp luật.

Điều 19. Đăng ký chuyển giao tên miền New gTLD tại Việt Nam

1. Việc đăng ký chuyển giao tên miền New gTLD tại Việt Nam được thực hiện theo khoản 12 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP. Văn bản chấp thuận về việc đăng ký chuyển giao tên miền New gTLD của Bộ Khoa học và Công nghệ

là cơ sở để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tiến hành thủ tục đăng ký chuyển giao tên miền New gTLD với ICANN và được xem xét cấp phép hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) tại Việt Nam.

2. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân không liên quan không được đăng ký chuyển giao các tên miền New gTLD được quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP; tuân thủ quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài nguyên Internet và không xâm phạm đến quyền lợi quốc gia Việt Nam trong suốt quá trình đăng ký.

3. Tên miền New gTLD do các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam nhận chuyển giao và sử dụng tại Việt Nam được VNNIC quản lý theo các quy định của pháp luật về tài nguyên Internet.

Điều 20. Thông báo sử dụng tên miền quốc tế

1. Thời gian thông báo: Thông báo lần đầu sau khi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền quốc tế và thông báo, cập nhật ngay sau khi có sự thay đổi thông tin đăng ký sử dụng tên miền.

2. Thực hiện thông báo tại địa chỉ: thongbaotenmien.vn.

3. Nội dung thông báo: Tên miền, Nhà đăng ký tên miền hoặc tổ chức, doanh nghiệp đang quản lý tên miền và thông tin quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Mục 2

QUY ĐỊNH CHO TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ, DUY TRÌ TÊN MIỀN

Điều 21. Trách nhiệm đối với tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền

1. Cung cấp thông tin, hướng dẫn quy định pháp luật về việc đăng ký, sử dụng tên miền cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có yêu cầu đăng ký, sử dụng tên miền; đăng tải đầy đủ thông tin, các quy trình, nghiệp vụ quản lý, đăng ký, sử dụng tên miền trên trang thông tin điện tử, công cụ cung cấp dịch vụ trực tuyến đăng ký, duy trì tên miền.

2. Triển khai các biện pháp bảo vệ, dự phòng dữ liệu, hồ sơ phục vụ quản lý tập trung và đảm bảo tính toàn vẹn, an toàn của hồ sơ, dữ liệu tên miền.

3. Tiếp nhận phản ánh, xử lý, giảm thiểu lạm dụng tên miền:

a) Thiết lập, duy trì đầu mối tiếp nhận và xử lý phản ánh về hành vi lạm dụng tên miền; nhắc nhở chủ thể khi có dấu hiệu tên miền bị lạm dụng hoặc khi nhận được phản ánh từ cộng đồng;

b) Khi tiếp nhận phản ánh hoặc chủ động phát hiện hành vi lạm dụng tên miền đối với những tên miền do mình quản lý, cần triển khai các biện pháp ngăn chặn lạm dụng tên miền: kiểm tra, xác thực thông tin, hồ sơ đăng ký sử dụng tên miền và hành vi lạm dụng tên miền; thông báo, hướng dẫn, yêu cầu chủ thể chấm dứt hành vi lạm dụng tên miền (nếu có); báo cáo thông tin cần thiết tới VNNIC và các cơ quan có thẩm quyền về xử lý vi phạm.

4. Tuân thủ quy định về quản lý, bảo vệ dữ liệu đăng ký, sử dụng tên miền:

a) Trong phạm vi hoạt động cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền, chỉ được thu thập, xử lý và lưu trữ các thông tin, dữ liệu theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

b) Bảo đảm xử lý và sử dụng dữ liệu đúng mục đích cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền theo quy định pháp luật;

c) Xây dựng quy trình xử lý thông tin, dữ liệu đăng ký, sử dụng tên miền tiếp nhận từ chủ thể trên cơ sở các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài nguyên Internet và quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ và xử lý dữ liệu;

d) Tuân thủ các quy định pháp luật về hoạt động xử lý dữ liệu, bảo vệ dữ liệu và quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài nguyên Internet.

5. Thực hiện các quy trình nghiệp vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn chuyên môn của VNNIC; phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu khi có yêu cầu bằng văn bản từ VNNIC và các cơ quan có thẩm quyền, phục vụ công tác quản lý nhà nước.

6. Ngoài các nội dung quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này, Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” thực hiện sao lưu, chuyển hồ sơ điện tử về VNNIC để thực hiện quản lý tập trung hồ sơ dữ liệu tên miền.

7. Ngoài các nội dung quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này, các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền xuyên biên giới cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại Việt Nam thực hiện nội dung sau:

a) Việc báo cáo khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 12 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP;

b) Khi thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 12 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện báo cáo toàn bộ danh sách tên miền do mình quản lý tại thời điểm báo cáo theo Mẫu số 04 Phụ lục II kèm theo Thông tư này. Việc báo cáo được thực hiện thông qua môi trường mạng tại địa chỉ: thongbaotenmien.vn.

Điều 22. Thực hiện chấm dứt hợp đồng Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”

1. Việc chấm dứt Hợp đồng Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” được thực hiện theo nguyên tắc:

a) Bảo đảm hoạt động liên tục, an toàn, ổn định của tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;

b) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể đăng ký, sử dụng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

2. Trách nhiệm của các bên trong quá trình chấm dứt hợp đồng Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”:

a) VNNIC hướng dẫn, tổ chức việc chuyển đổi tên miền trong quá trình chấm dứt hợp đồng Nhà đăng ký, đảm bảo tên miền hoạt động liên tục, an toàn, ổn định và quyền lợi của chủ thể;

b) Nhà đăng ký tên miền chấm dứt hợp đồng có trách nhiệm phối hợp, thực hiện theo sự điều phối của VNNIC; đồng thời chuyển giao đầy đủ hồ sơ, dữ liệu, thông tin tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” do mình quản lý về VNNIC và Nhà đăng ký do VNNIC chỉ định sẽ tiếp nhận, quản lý tên miền của Nhà đăng ký chấm dứt hợp đồng;

c) Nhà đăng ký tên miền tiếp nhận có trách nhiệm tiếp quản, quản lý tên miền, duy trì dịch vụ liên tục và hỗ trợ chủ thể theo quy định.

Điều 23. Hướng dẫn các quy định đối với Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD Registry) tại Việt Nam

1. Chỉ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ý bằng văn bản việc đăng ký chuyển giao tên miền New gTLD tại Việt Nam theo quy định tại khoản 12 Điều 9 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP mới được xem xét cấp phép hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam.

2. Hướng dẫn báo cáo thuyết minh hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam quy định tại

khoản 3 Điều 15 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP:

a) Thuyết minh chi tiết về hạ tầng kỹ thuật, sơ đồ và kiến trúc mạng, hệ thống máy chủ quản lý New gTLD, hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền dưới tên miền New gTLD, đảm bảo phù hợp, đáp ứng với các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước, quốc tế, cam kết chất lượng dịch vụ (SLA), phương án nhân sự kỹ thuật về quản trị mạng, dịch vụ phù hợp với các giai đoạn xây dựng, phát triển, duy trì hệ thống, phương án nhân sự về quản lý tên miền New gTLD và tên miền cấp dưới New gTLD;

b) Thuyết minh các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin để triển khai hoạt động của Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin.

3. Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam có trách nhiệm quản lý hoạt động đăng ký, sử dụng tên miền New gTLD được chuyển giao và đảm bảo các tên miền do mình cấp phát, quản lý được đăng ký, sử dụng theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài nguyên Internet và quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG, ĐỊNH TUYẾN ĐỊA CHỈ IP VÀ ASN

Điều 24. Đăng ký, phân bổ, cấp địa chỉ IP và ASN

1. Việc đăng ký, phân bổ, cấp địa chỉ IP và ASN thực hiện theo quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 7 Điều 17 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

2. Việc đăng ký, phân bổ, cấp địa chỉ IP và ASN tuân thủ các quy định chung của Tổ chức quản lý địa chỉ khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APNIC), bao gồm chính sách cấp phát hạn chế IPv4 được công bố tại địa chỉ: apnic.net.

3. ASN được phân bổ, cấp cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được phân bổ, cấp địa chỉ IP từ VNNIC. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng ASN và các vùng địa chỉ IP được phân bổ, cấp nhằm xây dựng chính sách định tuyến cho mạng độc lập để kết nối Internet. Khuyến khích đăng ký đồng thời địa chỉ IP, ASN, triển khai kết nối đa hướng, kết nối với Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX).

4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng địa chỉ IP và ASN được phân bổ, cấp từ VNNIC cho nhu cầu sử dụng thực tế trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp có công kết nối mạng quốc tế kết nối cung cấp dịch vụ ngoài lãnh thổ.

5. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ, cấp địa chỉ IP và ASN phải

đảm bảo quản lý, định tuyến theo hướng dẫn chi tiết tại Điều 30 Thông tư này.

Điều 25. Phân bổ, cấp các vùng địa chỉ IPv4 sau hoàn trả hoặc thu hồi

1. Việc phân bổ, cấp các vùng địa chỉ IPv4 tại Việt Nam sau hoàn trả hoặc thu hồi không bị điều chỉnh theo các quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư này.

2. Các vùng địa chỉ IPv4 thu hồi hoặc hoàn trả từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam được phân bổ, cấp cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng theo các nguyên tắc sau:

a) Có yêu cầu đăng ký trước được xét duyệt xử lý hồ sơ trước;

b) Chưa có địa chỉ IPv4 để sử dụng hoặc đã có địa chỉ nhưng đã sử dụng hết ít nhất 80% các vùng địa chỉ IPv4 được phân bổ, cấp trước đó đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được phân bổ, cấp địa chỉ IP;

c) Thuyết minh mức độ cần thiết và khả năng sử dụng ngay vùng địa chỉ IPv4 đề nghị phân bổ, cấp;

d) Trường hợp được xét phân bổ, cấp vùng địa chỉ IPv4, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị phân bổ, cấp địa chỉ hoàn tất nghĩa vụ nộp phí duy trì sử dụng, lệ phí cấp, phân bổ địa chỉ IP tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Các vùng địa chỉ IPv4 được phân bổ, cấp theo quy định tại Điều này và thời điểm mở tiếp nhận hồ sơ đề nghị phân bổ, cấp lại được niêm yết tại địa chỉ: diachiip.vn.

Điều 26. Nhận địa chỉ IP, ASN trực tiếp từ các tổ chức quốc tế

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở Việt Nam khi có nhu cầu nhận địa chỉ IP, ASN trực tiếp từ các tổ chức quốc tế phải thực hiện:

1. Báo cáo tiếp nhận vùng địa chỉ IP, ASN theo trình tự thủ tục được quy định tại khoản 6, khoản 7 Điều 17 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP để đưa vùng địa chỉ IP, ASN vào danh mục quản lý tập trung của Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Internet Việt Nam).

2. Trả các khoản phí phát sinh theo quy định của các tổ chức quản lý địa chỉ quốc tế để có thể thực hiện chuyển vùng địa chỉ IP (hoặc địa chỉ IP và ASN) vào danh mục quản lý tập trung của Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Internet Việt Nam).

3. Nộp phí duy trì sử dụng địa chỉ IP, ASN, lệ phí đăng ký sử dụng địa chỉ IP, ASN theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 27. Thu hồi địa chỉ IP, ASN

1. Địa chỉ IP, ASN bị thu hồi trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 17 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

2. Đối với các trường hợp thu hồi địa chỉ IP, ASN, VNNIC thực hiện việc thu hồi địa chỉ IP, ASN và thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Trường hợp địa chỉ IP phải thu hồi thuộc vùng địa chỉ IP do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông đã cấp cho khách hàng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông có trách nhiệm thực hiện việc thu hồi vùng địa chỉ đã cấp cho khách hàng.

3. Trình tự thu hồi địa chỉ IP, ASN đã được VNNIC phân bổ, cấp cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thực hiện như sau:

a) VNNIC thông báo thu hồi bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký sử dụng địa chỉ IP, ASN;

b) Trong vòng 30 (ba mươi) ngày, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ngừng sử dụng, ngừng định tuyến địa chỉ IP, ASN trên Internet và thông báo cho đơn vị cung cấp dịch vụ kết nối, định tuyến;

c) VNNIC ban hành Quyết định thu hồi địa chỉ IP, ASN (trừ trường hợp thu hồi địa chỉ IP, ASN quy định tại điểm a khoản 8 Điều 17 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP), yêu cầu dừng sử dụng, định tuyến địa chỉ IP, ASN trên toàn bộ Internet Việt Nam và thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan phối hợp thực hiện;

d) Quyền thành viên địa chỉ bị thu hồi trong trường hợp tổ chức, doanh nghiệp bị thu hồi toàn bộ địa chỉ IP, ASN đã phân bổ, cấp.

Điều 28. Quản lý và sử dụng các vùng địa chỉ IP và ASN

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ, cấp các vùng địa chỉ IP, ASN được công nhận là thành viên địa chỉ của VNNIC.

2. Thành viên địa chỉ khai báo thông tin định tuyến để thực hiện định tuyến địa chỉ IP, ASN trên Internet, đưa các vùng địa chỉ IP, ASN vào sử dụng trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày được phân bổ, cấp; triển khai các giải pháp công nghệ để xác thực thông tin định tuyến (RPKI) các vùng địa chỉ IP, ASN; khai báo, cập nhật đầy đủ khi có thay đổi các thông tin của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các thông tin đã cung cấp khi đăng ký sử dụng địa chỉ IP, ASN; báo cáo sử dụng, báo cáo thông tin định tuyến địa chỉ IP, ASN theo quy định pháp luật.

3. Thành viên địa chỉ có trách nhiệm xác minh và xử lý các địa chỉ IP, ASN

thuộc phạm vi quản lý của mình có liên quan đến các hành vi vi phạm pháp luật trong vòng 02 (hai) ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của VNNIC hoặc của các cơ quan có thẩm quyền khác.

4. Thành viên địa chỉ có trách nhiệm báo cáo VNNIC khi tiếp nhận, sử dụng địa chỉ IP, ASN từ tổ chức nước ngoài; thực hiện theo yêu cầu của VNNIC để chuyển địa chỉ IP, ASN vào danh mục quản lý của Việt Nam theo quy định.

5. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không còn nhu cầu sử dụng địa chỉ IP, ASN phải có văn bản hoàn trả gửi VNNIC. Các vùng địa chỉ IP, ASN hoàn trả được thu hồi và xem xét phân bổ, cấp lại cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác có nhu cầu.

6. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoàn trả địa chỉ IP, ASN hoặc có vùng địa chỉ IP, ASN bị thu hồi có trách nhiệm ngừng sử dụng, dừng định tuyến các vùng địa chỉ IP, ASN đã hoàn trả, thu hồi; làm việc với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet để xóa thông tin định tuyến, dừng quảng bá định tuyến địa chỉ IP, ASN trên Internet Việt Nam, quốc tế.

7. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không được chuyển nhượng hay ủy quyền sử dụng địa chỉ IP, ASN cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác không thuộc cơ cấu tổ chức của mình.

8. Chỉ các thành viên địa chỉ là doanh nghiệp viễn thông mới được cấp phát lại địa chỉ IP thuộc vùng địa chỉ IP mà mình đã được phân bổ cho khách hàng sử dụng dịch vụ của thành viên địa chỉ.

Điều 29. Hệ thống tra cứu thông tin địa chỉ IP, ASN Việt Nam

1. Thông tin về địa chỉ IP, ASN Việt Nam trên Hệ thống tra cứu thông tin địa chỉ IP, ASN Việt Nam (Whois IP/ASN) bao gồm:

a) Địa chỉ IP, ASN;

b) Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

c) Tên mạng của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

d) Trạng thái địa chỉ IP, ASN và các thông tin phục vụ cho quản lý hoạt động của IP/ASN Việt Nam.

2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này được cung cấp công khai trên mạng Internet.

3. VNNIC quản lý, vận hành, cập nhật Hệ thống Whois IP/ASN đảm bảo các quy định pháp luật về bảo mật, an toàn thông tin.

Điều 30. Định tuyến địa chỉ IP và ASN

1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động Internet Việt Nam phải đảm bảo:

a) Không được định tuyến những vùng địa chỉ IP, ASN nằm ngoài danh mục quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Internet Việt Nam) trừ trường hợp kết nối với công kết nối mạng quốc tế hoặc trường hợp kết nối với Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX);

b) Thực hiện xóa thông tin định tuyến, dừng định tuyến các vùng địa chỉ IP, ASN khi các vùng địa chỉ IP, ASN đã bị thu hồi;

c) Không cản trở việc định tuyến các vùng địa chỉ IP, ASN của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác; phối hợp xử lý các vấn đề định tuyến địa chỉ IP, ASN trên Internet Việt Nam khi nhận được các yêu cầu Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Internet Việt Nam);

d) Phối hợp với VNNIC về kỹ thuật và chính sách định tuyến để đảm bảo Hệ thống DNS quốc gia và Trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX), Internet Việt Nam hoạt động an toàn, hiệu quả.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông phải đảm bảo:

a) Thực hiện các yêu cầu, quy định tại khoản I Điều này;

b) Thực hiện lưu trữ thông tin định tuyến, thông tin cấp lại địa chỉ IP cho khách hàng và phối hợp trong công tác xử lý vi phạm về tài nguyên Internet;

c) Các doanh nghiệp có công kết nối mạng quốc tế thực hiện các giải pháp lưu trữ thông tin định tuyến, báo cáo tới VNNIC về việc định tuyến các vùng địa chỉ IP, ASN khi có yêu cầu;

d) Thực hiện các giải pháp kỹ thuật, công nghệ, xác thực định tuyến (RPKI) để đảm bảo an toàn kết nối trong mạng, dịch vụ kết nối Internet trong nước, quốc tế.

Điều 31. Thúc đẩy, triển khai IPv6 cho Internet Việt Nam

1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký sử dụng địa chỉ IPv6 để chuyển đổi IPv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ Internet.

2. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khi tham gia hoạt động Internet cần có kế hoạch đưa địa chỉ IPv6 vào định tuyến, sử dụng phù hợp với lộ trình chuyển đổi IPv6 Việt Nam; thử nghiệm và sử dụng công nghệ IPv6 only.

3. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, dịch vụ trung tâm dữ liệu:

a) Thực hiện cung cấp dịch vụ IPv6 cho các thuê bao Internet băng rộng; cung cấp dịch vụ IPv6 cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; xây dựng và vận hành các hệ thống theo dõi, giám sát, đảm bảo chất lượng mạng, dịch vụ trên nền IPv6;

b) Xây dựng các chương trình, các gói dịch vụ hỗ trợ triển khai chuyển đổi IPv6 cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

c) Phối hợp VNNIC triển khai phát triển hạ tầng mạng IPv6 Việt Nam; chuyển đổi Internet Việt Nam sang IPv6, hướng tới chuyển đổi toàn diện sang mạng IPv6 only;

d) Khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu, triển khai IPv6 only; tham gia phát triển các tiêu chuẩn, quy chuẩn IPv6 của Việt Nam và thế giới.

4. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội triển khai chuyển đổi và sử dụng IPv6 (sử dụng IPv4 song song IPv6 hoặc triển khai IPv6 only đối với mạng, dịch vụ mới) cho hệ thống mạng, dịch vụ trên nền Internet, hướng tới sử dụng IPv6 only cho toàn mạng, dịch vụ theo lộ trình chung quốc gia.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tên miền dưới “.edu.vn”, “.gov.vn” đã đăng ký sử dụng trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này, có chủ thể đăng ký sử dụng không thuộc đối tượng quy định tại Thông tư này được tiếp tục sử dụng tới hết thời hạn duy trì tên miền. Việc sử dụng tên miền tuân thủ các quy định tại Thông tư này và văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Tên miền dưới các tên miền cấp 2 dùng chung theo địa giới đơn vị hành chính đã sáp nhập được tiếp tục sử dụng tới hết thời hạn duy trì tên miền. Việc sử dụng tên miền tuân thủ các quy định tại Thông tư này và văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2026.

2. Các Thông tư sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày có hiệu lực của Thông tư này:

a) Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng

Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet;

b) Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2015/TT-BTTTT ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ (Trung tâm Internet Việt Nam) để nghiên cứu, xem xét, hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung theo quy định./. *Hecl*

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan TW của các tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Bộ KHCN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Cổng TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, VNNIC (100b).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

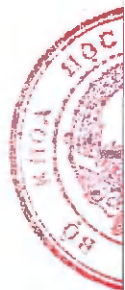


**Phụ lục I**

**DANH MỤC TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN” CẤP 2 DỪNG
CHUNG PHÂN THEO ĐỊA GIỚI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 41./2025/TT-BKHCN ngày 25/12./2025 của Bộ
Khoa học và Công nghệ)*

Tỉnh thành	Tên miền không dấu	Tên miền tiếng Việt
Tuyên Quang	tuyenquang.vn	tuyenquang.vn
Lào Cai	laocai.vn	laocai.vn
Thái Nguyên	thainguyen.vn	thainguyen.vn
Phú Thọ	phutho.vn	phutho.vn
Bắc Ninh	bacninh.vn	bacninh.vn
Hưng Yên	hungyen.vn	hungyen.vn
Hải Phòng	haiphong.vn	haiphong.vn
Ninh Bình	ninhbinh.vn	ninhbinh.vn
Quảng Trị	quangtri.vn	quangtri.vn
Đà Nẵng	danang.vn	danang.vn
Quảng Ngãi	quangngai.vn	quangngai.vn
Gia Lai	gialai.vn	gialai.vn
Khánh Hòa	khanhhoa.vn	khanhhoa.vn
Lâm Đồng	lamdong.vn	lamdong.vn
Đắk Lắk	daklak.vn	daklak.vn
Hồ Chí Minh	thanhphohochiminh.vn	thanhphohochiminh.vn
Đồng Nai	dongnai.vn	dongnai.vn
Tây Ninh	tayninh.vn	tayninh.vn
Cần Thơ	cantho.vn	cantho.vn



Vĩnh Long	vinhlong.vn	vĩnhlong.vn
Đồng Tháp	dongthap.vn	đồngtháp.vn
Cà Mau	camau.vn	càmau.vn
An Giang	angiang.vn	angiang.vn
Cao Bằng	caobang.vn	caobằng.vn
Điện Biên	dienbien.vn	điệnbiên.vn
Hà Tĩnh	hatinh.vn	hàtĩnh.vn
Lai Châu	laichau.vn	laichâu.vn
Lạng Sơn	langson.vn	lạngson.vn
Nghệ An	nghean.vn	ngệan.vn
Quảng Ninh	quangninh.vn	quảngninh.vn
Thanh Hóa	thanhhoa.vn	thanhhoa.vn
Sơn La	sonla.vn	sonla.vn
Hà Nội	hanoi.vn	hà nội.vn
Huế	hue.vn	huế.vn

Phụ lục II: DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2025/TT-BKHCN ngày.../.../..... của Bộ
Khoa học và Công nghệ)*

Mẫu số 01a	Biểu mẫu cung cấp thông tin khi đăng ký tên miền (dành cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký, sử dụng tên miền)
Mẫu số 01b	Biểu mẫu cung cấp thông tin khi đăng ký tên miền (dành cho hộ kinh doanh đăng ký, sử dụng tên miền)
Mẫu số 01c	Biểu mẫu cung cấp thông tin khi đăng ký tên miền (dành cho cá nhân đăng ký, sử dụng tên miền)
Mẫu số 02	Xác nhận của cha, mẹ, người giám hộ của người chưa thành niên về việc đăng ký, sử dụng Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”
Mẫu số 03a	Biểu mẫu cung cấp thông tin khi hoàn trả Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” (dành cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)
Mẫu số 03b	Biểu mẫu cung cấp thông tin khi hoàn trả Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” (dành cho hộ kinh doanh)
Mẫu số 03c	Biểu mẫu cung cấp thông tin khi hoàn trả Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” (dành cho cá nhân)
Mẫu số 04	Biểu mẫu báo cáo danh sách tên miền dành cho tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tại Việt Nam

BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN KHI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN*(dành cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký, sử dụng tên miền)*

1. Tên miền đăng ký	
2. Chủ thể đăng ký tên miền	
Tên Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	
Mã định danh điện tử của tổ chức	
Mã số doanh nghiệp	
Mã số thuế	
Địa chỉ đầy đủ của trụ sở chính	Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
Số điện thoại	
Email	
3. Thông tin người quản lý tên miền (người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là chủ thể tên miền)	
Họ và tên	
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu	
Địa chỉ	Số nhà, tên đường: Xã/phường:

Số điện thoại Email	Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
4. Thông tin người quản lý kỹ thuật Họ và tên Địa chỉ Số điện thoại Email	 Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
5. Thông tin của tổ chức hoặc cá nhân nộp phí, lệ phí đăng ký sử dụng tên miền Tên tổ chức nộp phí, lệ phí Họ và tên người nộp phí, lệ phí Địa chỉ Số điện thoại	 Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:

Email	
6. Mục đích sử dụng tên miền	☐ Để thiết lập Báo điện tử, Tạp chí điện tử. ☐ Để thiết lập Mạng xã hội. ☐ Để thiết lập Trang thông tin điện tử tổng hợp. ☐ Mục đích khác (nêu rõ):

Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và các quy định pháp luật khác có liên quan.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/

NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN KHI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN
(dành cho hộ kinh doanh đăng ký, sử dụng tên miền)

1. Tên miền đăng ký	
2. Thông tin chủ thể	
Tên hộ kinh doanh	
Mã số đăng ký hộ kinh doanh	
Mã số thuế hộ kinh doanh	
Họ và tên chủ hộ kinh doanh/đại diện hộ kinh doanh	
Ngày tháng năm sinh	
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu	
Ngày cấp, nơi cấp	
Địa chỉ thường trú của chủ hộ kinh doanh/người đại diện hộ kinh doanh	Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
Địa chỉ tạm trú của chủ hộ kinh doanh/người đại diện hộ kinh doanh	Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
Số điện thoại	
Email	

Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và các quy định pháp luật khác có liên quan.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của hộ kinh doanh

CHỦ HỘ KINH DOANH/NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(Ký, ghi rõ họ tên/ký số)

BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN KHI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN
(dành cho cá nhân đăng ký, sử dụng tên miền)

1. Tên miền đăng ký	
2. Thông tin chủ thể	
Họ và tên cá nhân	
Ngày tháng năm sinh	
Số định danh cá nhân/	
Hộ chiếu	
Ngày cấp, nơi cấp	
Địa chỉ thường trú	Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
Địa chỉ tạm trú	Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
Số điện thoại	
Email	

Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và các quy định pháp luật khác có liên quan.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của cá nhân đăng ký tên miền

(Ký, ghi rõ họ tên/ký số)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**XÁC NHẬN CỦA CHA, MẸ, NGƯỜI GIÁM HỘ CỦA
 NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN VỀ VIỆC ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG
 TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”**

(trường hợp chủ thể đăng ký tên miền là người chưa đủ mười tám tuổi)

1. Thông tin của cha/mẹ/người giám hộ:

Họ và tên cha/mẹ/người giám hộ:

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Email:

Quan hệ với người chưa thành niên: Là Cha ☐ Mẹ ☐ Người giám hộ ☐

2. Thông tin người được giám hộ:

Họ và tên người được giám hộ:

Ngày, tháng, năm sinh:

Số định danh cá nhân/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Email:

Được đăng ký tên miền:

tại Nhà đăng ký:

3. Tôi xác nhận:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin nêu trên.

- Đồng ý cho người được giám hộ với các thông tin trên đây được đăng ký tên miền....., tại Nhà đăng ký: và đảm bảo người được giám hộ đăng ký, sử dụng tên miền tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm liên quan đến việc đăng ký, sử dụng tên miền của người được giám hộ theo quy định pháp luật./.

....., ngày...../...../.....

Xác nhận của cha/mẹ/người giám hộ

(Ký, ghi rõ họ, tên/ký số)

BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN KHI HOÀN TRẢ
TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”
(dành cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp)

1. Tên miền đề nghị hoàn trả	
2. Ngày đăng ký, ngày hết hạn	- Ngày đăng ký: - Ngày hết hạn:
3. Nhà đăng ký đang quản lý tên miền	
4. Thông tin Chủ thể đăng ký tên miền Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Mã định danh điện tử của tổ chức Mã số doanh nghiệp Mã số thuế Địa chỉ đầy đủ của trụ sở chính Số điện thoại Email	 Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
5. Thông tin người quản lý tên miền (người đại diện theo pháp luật của chủ thể tên miền)	

Họ và tên	
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu	
Địa chỉ	Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
Số điện thoại	
Email	
6. Lý do hoàn trả tên miền	

Chủ thể cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN,
TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

**BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN KHI HOÀN TRẢ
TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”**

(dành cho hộ kinh doanh)

1. Tên miền đề nghị hoàn trả	
2. Ngày đăng ký, ngày hết hạn	- Ngày đăng ký: - Ngày hết hạn:
3. Nhà đăng ký đang quản lý tên miền	
4. Thông tin chủ thể	
Tên hộ kinh doanh	
Mã số đăng ký hộ kinh doanh	
Mã số thuế hộ kinh doanh	
Họ và tên chủ hộ kinh doanh/Đại diện hộ kinh doanh	
Ngày tháng năm sinh	
Số định danh cá nhân/Hộ chiếu	
Ngày cấp, nơi cấp	
Địa chỉ thường trú của chủ hộ kinh doanh/người đại diện hộ kinh doanh	Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
Địa chỉ tạm trú của chủ hộ kinh doanh/người đại diện hộ kinh doanh	Số nhà, tên đường: Xã/phường:

Số điện thoại Email	
	Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:
	Quốc gia:
5. Lý do hoàn trả tên miền	

Chủ thể cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của hộ kinh doanh

CHỦ HỘ KINH DOANH/NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỘ KINH DOANH

(Ký, ghi rõ họ tên/ký số)

BIỂU MẪU CUNG CẤP THÔNG TIN KHI HOÀN TRẢ
TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”
(dành cho cá nhân)

1. Tên miền đề nghị hoàn trả	
2. Ngày đăng ký, ngày hết hạn	- Ngày đăng ký: - Ngày hết hạn:
3. Nhà đăng ký đang quản lý tên miền	
4. Thông tin chủ thể Họ và tên cá nhân Ngày tháng năm sinh Số định danh cá nhân/Hộ chiếu Địa chỉ thường trú Địa chỉ tạm trú Số điện thoại Email	 Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia: Số nhà, tên đường: Xã/phường: Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Quốc gia:
5. Lý do hoàn trả tên miền	

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của chủ thẻ tên miền

(Ký, ghi rõ họ tên/ký số)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIỂU MẪU BÁO CÁO DANH SÁCH TÊN MIỀN DÀNH CHO TỔ CHỨC,
 DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO CƠ QUAN, TỔ
 CHỨC, DOANH NGHIỆP, CÁ NHÂN TẠI VIỆT NAM**

1. Tên tổ chức:
 2. Năm báo cáo:

TT	Tên miền	Chủ thể đăng ký, sử dụng	Phân loại chủ thể (cá nhân/tổ chức)	Ngày đăng ký	Ngày hết hạn	Địa chỉ liên hệ của chủ thể đăng ký, sử dụng	Điện thoại	Thư điện tử
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1								
2								
...	...							

..., ngày ... tháng ... năm...

Xác nhận của tổ chức, doanh nghiệp
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh/ký số)